

Bản án số: 247/2022/DS-PT

Ngày: 17 - 6 - 2022

V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy;
Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/5/2022 và 17/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2020/TLPT-DS ngày 06/10/2020 về Tranh chấp chia thừa kế;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Th, sinh năm 1968;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là: Anh Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ là: Luật sư Thái Quang Trí – Văn phòng luật sư Chính Nghĩa, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số nhà 278, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành

phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn O (Suri), sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông O là: Luật sư Nguyễn Cao Hiền – Công ty TNHH MTV Tuyên Thuy và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số nhà 21, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1945 (Xin vắng mặt);

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1951;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nết là: Anh Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022).

3. Nguyễn Văn A, sinh năm 1958 (Khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi);

Người đại diện theo pháp luật cho ông Nguyễn Văn Áy là: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Văn N, sinh năm 1953;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Na là: Anh Nguyễn Đức Nhân, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Số nhà 59, Tổ 32, Khóm 4, Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nết, ông Áy và ông Na là: Luật sư Thái Quang Trí - Văn phòng luật sư Chính Nghĩa, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số nhà 278, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Phan Thị Diễm Th, sinh năm 1980 (Con bà Lắc);

6. Phan Ngọc Tr, sinh năm 1983 (Con bà Lắc);

7. Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1985 (Con bà Lắc);

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (Vợ ông O);

9. Nguyễn Khả Nh, sinh năm 1998 (Con ông O, xin vắng mặt);

10. Nguyễn Khả M, sinh năm 2003 (Con ông O, xin vắng mặt);

11. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2008 (Con ông O);

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Ngọc Trâm: Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 (Là cha, mẹ đẻ của Trâm).

12. Nguyễn Minh H, sinh năm 1976 (Con bà Hạnh, xin vắng mặt);

13. Nguyễn Minh C, sinh năm 2007 (Con anh Hùng);

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Minh Cường là: Anh Nguyễn Minh Hùng, sinh năm 1976 (Cha đẻ của Cường).

14. Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1992 (Con bà Đ);

15. Nguyễn Trần Thanh i, sinh năm 2008 (Con bà Đ);

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Trần Thanh Hải là: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Nết, ông Nguyễn Văn Na, ông Nguyễn Văn Ấy, chị Phan Thị Diễm Thúy, anh Phan Ngọc Trí và chị Phan Thị Ngọc Thơ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Bì (1913 – 1993) và cụ Nguyễn Thị Sen (1924 – 2015). Cụ Bì và cụ Sen chết để lại phần đất

6.431,6m², bao gồm các thửa: 419, 420, 421, 422 thuộc tờ bản đồ số 6 tổng diện tích là 3.537,5m² và thửa 91, tờ bản đồ số 7 diện tích là 2.894,1m².

Cụ Bì và cụ Sen có 07 người con gồm: 1. Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1945; 2. Nguyễn Thị Nết, sinh năm 1951; 3. Nguyễn Văn Na, sinh năm 1953; 4. Nguyễn Văn Ấy, sinh năm 1958 (Bị bệnh tâm thần từ nhỏ); 5. Nguyễn Thị Lắc, sinh năm 1960 (Chết 2007 có các con gồm: Phan Thị Diễm Thúy, Phan Ngọc Trí, Phan Thị Ngọc Thơ); 6. Nguyễn Văn Ổ, sinh năm 1966; 7. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968;

Sau khi cụ Bì chết, ông Nguyễn Văn Ổ tự ý làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng 6.431,6m² đất, trong gia đình không ai biết kể cả cụ Sen. Đến năm 2006, các chị, em của bà về phần đất nêu trên cất nhà ở. Sau khi cụ Sen chết, các anh, chị, em của bà yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần đất ông Ổ Đng canh tác. Lúc đầu ông Ổ đồng ý nhưng khi làm thủ tục ký tên chuyển quyền sử dụng thì ông Ổ không đồng ý.

Vì vậy, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà 926m² đất thuộc thửa 419, 420 tờ bản đồ số 7, trong phạm vi các mốc 1, 24, 30, 31, 34, 23, 13, 14, 33, 32, 15, 1. Trường hợp không đủ diện tích thì nhận giá trị.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Ổ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ về cha, mẹ, anh, chị, em và nguồn gốc đất như bà Đ trình bày, nhưng ông không đồng ý việc bà Đ cho rằng ông tự ý kê khai và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông đã sống chung với cha mẹ từ nhỏ và cùng cha sử dụng các thửa đất trên từ năm 1980 đến nay đã 40 năm. Năm 1989, cụ Bì và cụ Sen cho ông trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất trên. Sự việc này có bà Nguyễn Thị Hạnh chứng kiến. Năm 1993, cụ Sen có yêu cầu ông làm thủ tục đứng tên tất cả các thửa đất trên. Trong quá trình quản lý sử dụng, ông đã tiến hành cải tạo đất từ lúc ông còn nhỏ. Năm 1996 ông cải tạo lại vườn và trồng xoài tổng chi phí cây giống và cải tạo vườn đợt 01 khoảng 02 cây vàng 24k. Năm 2000, lũ lụt làm ngập chết xoài, ông cải tạo lại đất lên liếp, mua cây giống trồng đợt 02 tổng chi phí là 03 cây vàng 24k và ông tiếp tục canh tác trồng xoài cho đến nay. Sau đó, ông làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999. Quá trình sử dụng đất, ông nộp thuế từ năm 1989 đến nay.

Năm 2012, bà Nguyễn Thị Đ có hỏi ông về cất nhà ở nhờ trên thửa đất này và sinh sống đến nay. Năm 2014, bà Nguyễn Thị Nét có về hỏi xin cất nhà ở nhờ. Năm 2015, bà Nguyễn Thị Hạnh cũng hỏi xin về cất nhà ở. Vì tình nghĩa anh chị em ruột, không có chỗ ở và muốn gần gũi với anh, chị, em nên ông đồng ý cho bà Đ, bà Nét, bà Hạnh ở nhờ trên phần đất 6.431,6m² mà cha, mẹ đã cho ông.

Đối với trường hợp của ông Ấy, ông Na, bà Lắc:

+ Ông Nguyễn Văn Ấy sống chung hộ khẩu với gia đình ông từ trước đến nay và mắc bệnh tâm thần từ nhỏ. Sau khi cụ Bì và cụ Sen chết, ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông Ấy cho đến nay.

+ Ông Nguyễn Văn Na hiện tại sống bên vợ, không có ở địa phương từ nhiều năm trước, có nhà ở ổn định.

+ Bà Nguyễn Thị Lắc trước đây cha mẹ có cho đất tại tổ 7, ấp Tân Hùng xã Tân Thuận Tây, thành phố C và bà Lắc đã chuyển nhượng cho người khác khoảng năm 1998. Việc con bà Lắc là Phan Thị Diễm Thúy, Phan Ngọc Trí, Phan Thị Ngọc Thơ yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ.

Năm 2018, ông có cho bà Đ 200m² đất trong số 6.431,6m² để bà Đ sử dụng. Khi ông đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách thửa thì bà Đ đã tự ý tách 800m² mà không thông qua ý kiến của ông. Khi đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục thì ông mới phát hiện nên ông không đồng ý ký tên. Ông có yêu cầu bà Đ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Đ không đồng ý. Hiện nay bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông do bà Đ đang quản lý. Ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Na, chị Phan Thị Diễm Thúy, Phan Ngọc Trí, Phan Thị Ngọc Thơ, Nguyễn Thị Nét và yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ông đồng ý cho hộ bà Đ, hộ bà Hạnh và hộ bà Nét diện tích bằng căn nhà 03 hộ Đng ở.

Trường hợp có căn cứ xác định đất tranh chấp là di sản chưa chia thì ông yêu cầu trả công cải tạo đất là 50% diện tích đất tranh chấp, số còn lại trừ khu mộ chung, còn bao nhiêu chia đều cho 07 anh, chị, em.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Hạnh trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà Đ về cha, mẹ, anh, chị, em và nguồn gốc đất. Bà không đồng ý việc bà Đ cho rằng ông O tự ý kê khai và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình sống chung, ông O là con trai út ở chung với cha mẹ và cùng canh tác với cha mẹ. Năm 1989, cụ Bì và cụ Sen cho ông O phân đất trên trực tiếp quản lý, sử dụng đến nay.

Năm 1993 cụ Bì chết, cụ Sen yêu cầu ông O đi làm thủ tục kê khai, đăng ký đối với diện tích đất trên và được Ủy ban nhân xã Tân Thuận Tây xác nhận. Năm 1989, ông O được Ủy ban nhân dân thị xã C (Nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất trên.

Phần đất trên là của cha mẹ cho ông O nên trước đây bà đã từ chối nhận di sản. Do các anh em có tranh chấp yêu cầu chia thừa kế nên bà thay đổi ý kiến. Trường hợp có căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất trên là di sản của cha mẹ để lại chưa chia thì bà yêu cầu được chia thừa kế 118,9m² trong phạm vi các mốc 24, 2, 25, 28, 29, 30 và về mốc 24 thuộc một phần các thửa 419, 420, 421, 422 tờ bản đồ số 6 và thửa số 91, 93 tờ bản đồ số 7. Phần còn thừa bà giao cho ông O.

+ Bà Nguyễn Thị Nét trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà Đ về cha, mẹ, anh, chị, em ruột, nguồn gốc đất và quá trình sử dụng. Bà yêu cầu được chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại là 110,2m² trong phạm vi các mốc 25, 3, 26, 27, 28, 25 và diện tích 518,9m² trong phạm vi các mốc 34, 35, 22, 12, 13, 23, 34, 34 thuộc một phần các thửa 419, 420, 421, 422 tờ bản đồ số 6 và thửa số 91, 93 tờ bản đồ số 7. Trường hợp không đủ diện tích thì nhận giá trị.

+ Ông Nguyễn Văn Na trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Đ về cha, mẹ, anh, chị, em ruột, nguồn gốc đất và quá trình sử dụng. Ông yêu cầu được chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại là 1.236,8m² trong phạm vi các mốc 37, 6, 7, 8, 9, 38, 37 thuộc một phần các thửa 419, 420, 421, 422 tờ bản đồ số 6 và thửa số 91, 93 tờ bản đồ số 7. Trường hợp thừa diện tích thì đồng ý trả giá trị.

+ Anh Trí, chị Thúy, chị Thơ trình bày:

Các anh chị thống nhất lời trình bày của bà Đ về cha, mẹ, anh, chị, em ruột, nguồn gốc đất và quá trình sử dụng. Các anh chị yêu cầu được nhận phần thừa kế mà mẹ của các anh chị là bà Nguyễn Thị Lắc được hưởng thừa kế từ ông bà, ngoại của các anh chị để lại là 695,2m² trong phạm vi các mốc 26, 4, 18, 21, 11, 12, 22, 18, 4. Trường hợp không đủ diện tích thì nhận giá trị.

+ Ông Nguyễn Văn Ấy (Có bà Nguyễn Thị Đ giám hộ) trình bày:

Ông Nguyễn Văn Ấy thống nhất lời trình bày của bà Đ về cha, mẹ, anh, chị, em ruột, nguồn gốc đất và quá trình sử dụng. Ông Nguyễn Văn Ấy yêu cầu được nhận phần thừa kế của cha mẹ để lại là 853m² trong phạm vi các mốc 5, 37, 38, 10, 20, 19, 5. Trường hợp không đủ diện tích thì nhận giá trị.

+ Anh Nguyễn Ngọc Sơn đại diện theo pháp luật của Nguyễn Trần Thanh Hải trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà Đ.

+ Ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị Lang đại diện theo pháp luật của Trâm trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Ơ.

+ Anh Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Khả Nhi, Nguyễn Khả Minh không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nết, ông Nguyễn Văn Na, ông Nguyễn Văn Ấy (có bà Nguyễn Thị Đ đại diện giám hộ), chị Phan Thị Diễm Thúy, anh Phan Ngọc Trí, chị Phan Thị Ngọc Thơ, bà Nguyễn Thị Đ.

Ông Nguyễn Văn Na, ông Nguyễn Văn Ấy (có bà Nguyễn Thị Đ đại diện giám hộ), các con bà Lắc gồm chị Phan Thị Diễm Thúy, anh Phan Ngọc Trí, chị Phan Thị Ngọc Thơ được chia giá trị di sản thừa kế của cụ Bì và một phần của cụ Sen để lại mỗi người là 41.168.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Đ được chia thừa kế phần đất diện tích 440,3m², trong đó nhận hiện vật là diện tích 181,7m² trong phạm vi các mốc 1, 24, 30, 31, 32, 15, về mốc 1 thuộc một phần các thửa 419, tờ bản đồ 6; được sử dụng các cây trồng trên đất do bà Đ trồng (không có cây do ông Ơ trồng); được nhận giá trị đất diện tích 258,6m² là 24.179.000 đồng và được sở hữu các cây trồng trên đất được chia.

- Bà Nguyễn Thị Hạnh được chia thừa kế diện tích đất 440,3m², trong đó nhận hiện vật là diện tích 118,9m² trong phạm vi các mốc 24, 2, 25, 28, 29, 30 và về mốc 24 thuộc một phần các thửa 419, 420, tờ bản đồ số 6; diện tích còn lại là 321,4m² bà Hạnh đồng ý giao cho ông Ồ nên ông Ồ không phải trả giá trị phần diện tích 321,4m² cho bà Hạnh.

- Bà Nguyễn Thị Nết được chia thừa kế diện tích đất 440,3m², trong đó nhận hiện vật là diện tích 110,2m² trong phạm vi các mốc 25, 3, 26, 27, 28 và về mốc 25 thuộc một phần các thửa 420, tờ bản đồ số 6 và được nhận giá trị đất diện tích 330,1m² là 30.864.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Ồ được chia thừa kế diện tích đất 440,3m² và phần đất thừa kế của bà Hạnh giao diện tích 321,4m², tổng cộng là 761,7m².

Ông Nguyễn Văn Ồ có trách nhiệm chia giá trị di sản thừa kế cho ông Ông Nguyễn Văn Na số tiền 41.168.000 đồng; ông Nguyễn Văn Ấy (có bà Nguyễn Thị Đ đại diện giám hộ) số tiền 41.168.000 đồng, các con bà Lắc gồm chị Phan Thị Diễm Thúy, anh Phan Ngọc Trí, chị Phan Thị Ngọc Thơ số tiền 41.168.000 đồng; bà Nguyễn Thị Đ số tiền 24.179.000 đồng; bà Nguyễn Thị Nết số tiền 30.864.000 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Văn Ồ được tiếp tục sử dụng diện tích 4.992,7m², trong đó đất được chia thừa kế diện tích 761,7m² và đất cụ Sen cho diện tích 3.082,6m², trong phạm vi các mốc 26, 4, 36, 5, 37, 6, 7, 8, 9, 38, 10, 39, 11, 12, 13, 14, 33, 32, 31, 34, 35, 27 và về mốc 26 thuộc một phần các thửa 419, 420, 421, 422 tờ bản đồ số 6 và thửa số 91, 93 tờ bản đồ số 7 và được sở hữu các cây trồng trên đất.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Xác định diện tích 335,5m² làm khu mộ chung.

Bà Nguyễn Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nết, ông Nguyễn Văn Na, ông Nguyễn Văn Ấy (có bà Nguyễn Thị Đ đại diện giám hộ), chị Phan Thị Diễm Thúy, anh Phan Ngọc Trí, chị Phan Thị Ngọc Thơ, ông Nguyễn Văn Ồ, bà Nguyễn Thị Đ được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu mộ chung

diện tích 335,5m² trong phạm vi các mốc 30, 29, 28, 27. 35, 34, 31 và về mốc 30 thuộc một phần các thửa 419, 420, 421, 422 tờ bản đồ số 6; giao cho ông O được quản lý và hưởng lợi các cây trồng trên diện tích đất khu mộ chung.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

Đất tranh chấp tọa lạc Tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2020 và bổ sung ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ đo đạc ngày 26/02/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường Đồng Tháp).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 04/01/2022 bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Ây, bà Nguyễn Thị Nết, ông Nguyễn Văn Na, chị Phan Thị Diễm Thúy, anh Phan Ngọc Trí và chị Phạm Thị Ngọc Thơ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ, ông Ây, bà Nết, ông Na, chị Thúy, anh Trí và chị Thơ.

+ Ngày 05/01/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án số: 72/2021/DS-ST, ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bà Đ, bà Nết, ông Ây và ông Na phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đ, bà Nết, ông Ây và ông Na.

- Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp của ông O phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bà Đ, bà Nết, ông Ấy, ông Na, chị Thúy, anh Trí và chị Thơ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Bì và cụ Nguyễn Thị Sen tạo lập trước năm 1975 diện tích đo đạc thực tế là 6.500,7m² gồm các thửa 419, 420, 421, 422 tờ bản đồ số 6 và thửa số 91, 93 tờ bản đồ số 7, tại Tổ 7, ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố C, do hộ ông Nguyễn Văn O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Cụ Nguyễn Văn Bì (1913 – 1993) và cụ Nguyễn Thị Sen (1924 – 2015) có 07 người con gồm: 1. Nguyễn Thị Hạnh, 2. Nguyễn Thị Nết, 3. Nguyễn Văn Na, 4. Nguyễn Văn Ấy, 5. Nguyễn Thị Lắc (Chết năm 2007, chồng chết, có các con gồm: Phan Thị Diễm Thúy, Phan Ngọc Trí, Phan Thị Ngọc Thơ), 6. Nguyễn Văn O, 7. Nguyễn Thị Đ. Ngoài ra, cụ Bì và cụ Sen không có con nuôi hay còn ngoài giá thú nào khác.

[3] Quá trình sử dụng đất, cụ Bì và cụ Sen cùng các con sử dụng đến khi các con trưởng thành, có vợ, có chồng ra sống riêng. Còn lại cụ Bì và cụ Sen sống chung với ông O và giao đất cho ông O quản lý, sử dụng. Năm 1993, cụ Bì chết không để lại di chúc, cụ Sen tiếp tục sống chung với ông O. Năm 1999, hộ ông Nguyễn Văn O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 2005, bà Đ về hỏi cụ Sen và ông O cho cất nhà ở trên một phần đất tranh

chấp. Năm 2014, bà Hạnh về cất nhà ở trên đất tranh chấp. Năm 2015, bà Nét về cất nhà ở trên đất tranh chấp. Năm 2018, hộ ông O được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phát sinh tranh chấp.

[4] Xét thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Bì và cụ Sen chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế 50% di sản là đất của vợ chồng là phần của cụ Bì chia đều cho các đồng thừa kế là không phù hợp. Bởi vì, sau khi cụ Bì chết vào 1993 cụ Sen sống chung với ông O đến năm 1999 thì ông O đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn O. Tại phiên tòa phúc thẩm ông O xác định trong hộ của ông có cụ Sen. Vì vậy, cần phải thu thập chứng cứ để xác định tại thời điểm Ủy ban cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông O có bao nhiêu thành viên. Khi cụ Sen chết thì phần quyền sử dụng đất của cụ Sen là di sản để xem xét chia cho các đồng thừa kế. Mặt khác, căn cứ vào sơ đồ trích đo đất tranh chấp thì việc chia thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế là có thể thực hiện được. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Na, ông Nguyễn Văn Ấy, các con của bà Lắc và chia một phần bằng hiện vật, một phần bằng giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Nét, bà Nguyễn Thị Đ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, khi phân chia cần phải xem xét đến công sức giữ gìn cải tạo đất của ông O và tài sản của ông O có trên đất phân chia. Những vấn đề nêu trên chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập làm rõ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bà Đ, bà Nét, ông Ấy và ông Na đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đ, bà Nét, ông Ấy, ông Na, chị Thúy, anh Trí và chị Thơ, sửa bản án sơ thẩm là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên.

[6] Xét ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp của ông O đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của của bà Đ, bà Nét, ông Ấy, ông Na, chị Thúy, anh Trí và chị Thơ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên.

[7] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm theo hướng sửa

Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên không thể xem xét để sửa bản án sơ thẩm theo kháng nghị của Viện kiểm sát.

[8] Xét ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung, khắc phục được. Vì vậy, cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST, ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005383 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

+ Chị Phan Thị Diễm Thúy, anh Phan Ngọc Trí và chị Phan Thị Ngọc Thơ được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005384 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác (Nếu có) sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt